

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đồ án**  
**Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung**  
**thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng,**  
**giai đoạn 2014 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/2.000**

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 2 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Uyên về việc trình phê duyệt đồ án: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/2.000; Báo cáo số 70/SXD-KTQH ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định công tác khảo sát đo đạc lập bản đồ địa hình, tỷ lệ 1/2.000; Báo cáo số 101/BC-STNMT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra chất lượng công tác khảo sát địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Cao Bằng tại Báo cáo số 115/BCTĐ-SXD ngày 17 tháng 2 năm 2013,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chủ yếu sau đây:

### **1. Tên đồ án:**

Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/2.000.

### **2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:**

Phạm vi lập quy hoạch được xác định trong phạm vi hành chính thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Có giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp: Lũng Khoan, Kéo Diễn.
- Phía Tây giáp: Lũng Mọc, đường đi thành phố Cao Bằng, chân núi đá.
- Phía Nam giáp: Keng Man và đường đi huyện Phục Hòa.
- Phía Bắc giáp: Keng Mò và đường đi huyện Trùng Khánh, Hạ Lang.

### **3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:**

- Cụ thể hoá Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Uyên trong việc quy hoạch phát triển điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Quảng Uyên, nhằm xây dựng thị trấn trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, thương mại - dịch vụ của toàn huyện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Điều chỉnh, mở rộng một số khu chức năng của đô thị, trên cơ sở kế thừa đồ án quy hoạch trước đây đã được phê duyệt, nhằm xác định chiến lược phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp với tình hình phát triển kinh - tế xã hội của huyện cũng như của tỉnh.

- Xác định phương hướng nhiệm vụ cải tạo và xây dựng phát triển không gian đô thị cơ sở hạ tầng và các hoạt động kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh.

- Lập kế hoạch khai thác, sử dụng quỹ đất hợp lý phù hợp với quy hoạch sử dụng đất làm cơ sở pháp lý và xây dựng theo quy hoạch.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng đô thị, lập đồ án quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng các khu chức năng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

### **4. Tính chất, chức năng của đô thị:**

- Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế văn hóa - xã hội, thương mại, dịch vụ, giáo dục - đào tạo của huyện và là trung tâm của các huyện miền Đông.

- Là trung tâm đầu mối giao thông nối với các huyện miền Đông tỉnh Cao Bằng, với thành phố Cao Bằng và cả nước.

- Là vị trí quốc phòng, an ninh quan trọng.

- Đến năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

### **5. Quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển:**

- Quy mô dân số:

+ Dự báo đến năm 2020, tổng số dân dự kiến khoảng 6.794 người.

+ Dự báo đến năm 2030, tổng số dân dự kiến khoảng 10.327 người.

- Quy mô đất đai: 256 ha.

### **6. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:**

Như nội dung đề án quy hoạch đã lập, áp dụng theo tiêu chuẩn của đô thị loại IV.

### **7. Định hướng tổ chức không gian đô thị, vị trí, quy mô các khu chức năng chính:**

#### *a. Về định hướng tổ chức không gian và thiết kế đô thị:*

- Kế thừa quy hoạch phê duyệt năm 2001, đồng thời điều chỉnh mở rộng và phát triển phù hợp với từng giai đoạn phát triển đô thị. Đảm bảo sự gắn kết hài hòa, đồng bộ giữa cải tạo đô thị cũ và phát triển đô thị mới, tránh xáo trộn lớn về hình ảnh đô thị, tránh ảnh hưởng tiêu cực đến phong tục, tập quán và đời sống, sinh hoạt của nhân dân vùng quy hoạch.

- Không gian đô thị được phát triển trên cơ sở khai thác cảnh quan khu đô thị hiện hữu và phát triển đô thị dọc theo trục Bắc - Nam, tổ chức không gian các khu vực chính như sau:

+ Khu trung tâm hiện hữu là nơi phát triển kinh doanh truyền thống.

+ Khu vực phát triển mới phía Bắc: Khai thác cảnh quan đồi núi bao bọc xung quanh, mở các tuyến giao thông liên kết với các khu chức năng khác, như: khu trung tâm hiện hữu, khu văn hóa và các khu dân cư của xã Quốc Phong,...; hình thành khu trung tâm hành chính mới của huyện.

+ Khu vực phát triển phía Nam: Tổ chức không gian gắn với cảnh quan xung quanh, cải tạo khu nghĩa trang trở thành biểu tượng tâm linh vừa thanh tịnh, vừa gần gũi; xây dựng khu cảnh quan cây xanh tại ngã ba đường trục chính đô thị, để tạo điểm nhấn cảnh quan, đồng thời kết nối với các khu vực lân cận. Khu vực này quy hoạch là điểm đầu mối, tập kết, trung chuyển hàng hóa phục vụ giao thương giữa tỉnh Cao Bằng và thị trường Trung Quốc.

+ Khu vực phía Tây: Tận dụng không gian hiện hữu và khai thác triệt để cảnh quan núi đá xung quanh. Xây dựng biểu tượng, vườn hoa tại ngã ba đường vào trung tâm đô thị, để tạo điểm nhấn phát triển đô thị, kết nối khu vực này với các khu chức năng khác thông qua mạng lưới giao thông đô thị.

+ Khu vực phía Đông: Khai thác triệt để cảnh quan xung quanh kết hợp với xây dựng không gian cây xanh, vườn hoa, vườn dạo, trung tâm thể dục thể thao, văn hóa, để trở thành khu văn hóa giáo dục của cụm các huyện miền Đông.

Kết nối khu vực này với các khu vực khác thông qua mạng lưới giao thông liên khu vực.

*b. Về phân khu chức năng, vị trí, quy mô các khu chức năng chính:*

- Khu trung tâm hành chính, chính trị: Khối trụ sở Huyện ủy + các phòng ban chức năng, trụ sở Ủy ban nhân dân huyện + các phòng ban chức năng xác định tại vị trí hiện trạng.

- Các cơ quan chức năng của huyện: Bố trí tại phía Bắc của đô thị. Khu trụ sở Công an huyện, Huyện đội bố trí tại vị trí hiện trạng và quy hoạch mở rộng, bổ sung thêm quỹ đất tại phía Bắc đô thị.

- Khu thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng cho thuê, dịch vụ tổng hợp công trình công cộng: Bố trí tại khu đô thị hiện hữu, khu cửa ngõ của thị trấn và phía Bắc của đô thị.

- Khu trung tâm văn hóa thể thao: Bố trí về phía Đông, gồm: Quảng trường (tại khu sân vận động hiện nay) thư viện, triển lãm, nhà văn hóa huyện, sân vận động, trung tâm thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí vườn hoa cây xanh.

- Các cơ sở đào tạo, trường học: Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học Cơ sở, Trung học Phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện,... được nâng cấp, mở rộng tại vị trí hiện trạng. Các cơ sở đào tạo tại phía Đông đô thị gồm có: Trường Cao Đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trường dạy nghề miền Đông. Trung tâm Chính trị huyện được quy hoạch phía Tây đô thị, cùng với khối trường học. Quy hoạch mới 01 trường Tiểu học tại khu vực phía Bắc khu đô thị.

- Khu công viên cây xanh, cảnh quan: Khu văn hóa, thể thao, quảng trường được quy hoạch kết hợp với các dải đất dành cho cây xanh tạo bộ mặt đô thị xanh, sạch, đẹp tạo nên một bộ mặt đô thị mới.

- Các đơn vị ở: Cơ bản vẫn tôn trọng vị trí các khu dân cư hiện trạng, tập trung cải tạo hạ tầng kỹ thuật như mở rộng, mở mới một số tuyến đường, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tạo quỹ đất xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng.

- Đất nông nghiệp: Một số khu đất nông nghiệp cơ bản vẫn giữ lại phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của nhân dân trong vùng.

- Khu tiểu thủ công nghiệp: Quy hoạch trên đường đi xã Cách Linh, huyện Phục Hòa.

- Khu kho bãi tập kết, trung chuyển hàng hóa: Quy hoạch tại khu vực xóm Đồng Ất, khu vực cuối đô thị, tại xã Quốc Phong, khu phía Đông Nam đô thị, thuộc xã Chí Tháo.

**8. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:**

Stt	Hạng mục	Quy hoạch					
		Giai đoạn 2013-2020			Giai đoạn 2020-2030		
		Diện tích (ha)	Hệ số chiếm đất (%)	Bình quân m2/người	Diện tích (ha)	Hệ số chiếm đất (%)	Bình quân m2/người
	<b>Tổng cộng</b>				<b>256</b>	<b>100,00</b>	<b>248</b>
	<b>Nhu cầu đất xây dựng đô thị</b>	<b>163.05</b>	<b>63.69</b>	<b>239.99</b>	<b>243.54</b>	<b>95.13</b>	<b>235.83</b>
<i>I</i>	<i>Đất dân dụng</i>	<i>103.81</i>	<i>40.55</i>	<i>152.80</i>	<i>165.52</i>	<i>64.66</i>	<i>160.28</i>
1	Đất ở đô thị	36.69	14.33	54.00	55.55	21.70	53.79
2	Đất thể dục thể thao	2.16	0.84	3.18	3.55	1.39	3.44
3	Đất cây xanh, mặt nước sinh thái	16.31	6.37	24.01	34.11	13.32	33.03
4	Đất công cộng	2.99	1.17	4.41	15.81	6.17	15.31
5	Đất giao thông	45.66	17.84	67.21	56.50	22.07	54.71
<i>II</i>	<i>Đất ngoài dân dụng</i>	<i>59.24</i>	<i>23.14</i>	<i>87.19</i>	<i>78.03</i>	<i>30.48</i>	<i>75.56</i>
6	Đất cơ quan	5.58	2.18	8.21	17.34	6.78	16.80
7	Đất trường học	5.37	2.10	7.90	13.85	5.41	13.41
8	Đất Bệnh viện	1.80	0.70	2.65	2.38	0.93	2.31
9	Đất quân sự	1.51	0.59	2.22	4.03	1.57	3.90
10	Đất nghĩa địa	8.51	3.32	12.52	0.97	0.38	0.94
11	Đất dự trữ phát triển	5.18	2.02	7.62	5.18	2.02	5.02
12	Đất kho tàng, bến bãi	31.29	12.22	46.06	34.26	13.38	33.18
<i>III</i>	<i>Đất khác</i>	<i>92.52</i>			<i>12.46</i>		
13	Đất trồng lúa	46.55			1.75		
14	Đất trồng màu	45.97			10.70		
15	Đất rừng						

## 9. Quy hoạch mạng lưới chính của hạ tầng kỹ thuật đô thị:

### 9.1. Quy hoạch giao thông:

#### a. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đối ngoại:

Quy hoạch cải tạo trục đường tỉnh lộ 206 qua trung tâm đô thị với mặt cắt đường rộng 33m (lòng đường 21m, vỉa hè 2x6m) là trục đường chính đô thị.

#### b. Định hướng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông nội thị:

- Mạng lưới giao thông đô thị cơ bản được nghiên cứu phù hợp với địa hình, thuận tiện liên hệ các khu chức năng, các trục đường nhánh vào các khu chức năng đô thị được thiết kế theo nguyên tắc ô cờ tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh, phân cấp rõ ràng. Một số tuyến đường dựa trên quy hoạch cũ đã được phê duyệt đề xuất cải tạo, nâng cấp.

- Bến xe khách của huyện quy hoạch tại khu Lũng Ô phía Tây Nam đô thị, để quy hoạch thêm tuyến đường ra vào bến, nhằm kết hợp với đường Quốc

lộ 3 để phân làn ra, vào trung tâm đô thị, chống tình trạng tắc nghẽn giao thông trong những năm qua; quy hoạch các điểm dừng, đỗ xe mới đáp ứng nhu cầu trong phát triển đô thị.

Bảng thống kê mạng lưới giao thông

MẶT CÁT	ĐƠN VỊ	LÒNG ĐƯỜNG	HÈ TRÁI	HÈ PHẢI	QUY MÔ MẶT CÁT
1-1	m	21,0	6,0	6,0	33,0
2-2	m	21,0	4,5	4,5	30,0
3-3	m	8,0	3,0	3,0	14,0
4-4	m	7,5	3,0	3,0	13,5
5-5	m	7,0	3,0	3,0	13,0
6-6	m	7,0	2,0	2,0	11,0
7-7	m	6,0	3,0	3,0	12,0
8-8	m	6,0	2,0	2,0	10,0
9-9	m	10,5	3,0	3,0	16,5
10-10	m	21,0	3,0	3,0	27,0

## 9.2. Quy hoạch san nền thoát nước:

### a. San nền:

- Thiết kế san nền không gây ảnh hưởng nhiều đến điều kiện địa chất, nền móng công trình và phá vỡ cảnh quan khu vực, hạn chế tối đa khối lượng đào đắp đất nền, nhưng vẫn đảm bảo độ dốc thoát nước khu đất không để ngập úng và đảm bảo độ dốc mặt bằng xây dựng công trình.

- Thiết kế san nền được thực hiện theo phương pháp đường đồng mức, độ dốc san nền trong lô đất  $i \geq 0,004$ .

- Khu vực nghiên cứu được thiết kế lưu vực về suối phía Bắc và hang catster phía Đông đô thị, san nền theo hướng dốc về phía Bắc và phía Đông của thị trấn.

### b. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Tận dụng địa hình trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Mạng lưới thoát nước có chiều dài các tuyến rãnh thoát nước ngắn nhất, đảm bảo thời gian thoát nước mặt là nhanh nhất.

- Hạn chế giao cắt của hệ thống rãnh thoát nước với các công trình ngầm khác trong quá trình vạch mạng lưới.

- Độ dốc rãnh thoát nước bám sát địa hình để giảm độ sâu chôn cống, đảm bảo điều kiện làm việc về thủy lực cũng như giảm khối lượng đào đắp cống.

Hệ thống thoát nước xác định xây dựng theo dạng nửa riêng tại khu vực đô thị cũ đã có hệ thống thoát nước chung khu vực xây dựng mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng.

### **9.3. Quy hoạch cấp nước:**

- Nguồn nước:

+ Sử dụng nguồn nước hiện nay là mỏ nước Pác Bó, dung tích bể 120m<sup>3</sup>, công suất 560m<sup>3</sup>/ngđ đã xây dựng.

+ Hiện nay đang triển khai thực hiện khoan thăm dò nước ngầm mũi khoan tại xóm Bản Chang, gần đường đi xã Phi Hải để cung cấp hỗ trợ nguồn nước cung cấp nước cho đô thị trong tương lai. Nước bơm từ giếng khoan lên trạm xử lý, trạm xử lý đặt tại xóm Bản Chang. Tính đến năm 2030 dự kiến nâng công suất trạm xử lý lên 1.440m<sup>3</sup>/ngđ để đảm bảo cho nhu cầu cấp nước sinh hoạt.

- Mạng lưới đường ống:

Đầu nối với hệ thống cấp nước hiện trạng, bổ sung thêm một số tuyến nhánh đường ống cấp nước để đảm bảo áp lực cấp nước đến điểm bất lợi nhất. Thiết kế theo mạng vòng hỗn hợp và một số ống nhánh, đường kính ống D110mm - D50mm, để thuận tiện và đảm bảo an toàn cho việc cấp nước.

- Chữa cháy: Bố trí các trụ cứu hỏa được cấp nước từ đường ống D110.

### **9.4. Quy hoạch cấp điện:**

- Nguồn điện:

Nguồn điện lấy từ đường dây 35kV đi nổi, tiết diện AC - 120 được kéo từ trạm 110kV Quảng Uyên trong khu vực khu vực nghiên cứu quy hoạch.

- Lưới điện:

#### **\* Lưới 35kV:**

Dỡ bỏ một số tuyến không phù hợp, hiện đang cắt ngang qua các công trình xây dựng.

Xây mới các tuyến 35kV, cung cấp điện cho các phụ tải sinh hoạt, công cộng của thị trấn, kết cấu cáp chìm trong ống nhựa kỹ thuật chuyên dùng, dưới hào kỹ thuật đặt trên vỉa hè:

+ Tuyến 1 (tuyến chính) chạy dọc trục đường chính cung cấp cho các phụ tải trung tâm thị trấn, Tuyến cấp điện cho 5 trạm Quảng Uyên 1,2,4,5,8 (35/0,4 kV) với tổng công suất 2000 kVA.

+ Tuyến 2 cung cấp điện cho các phụ tải phía Bắc thị trấn, xã Quốc Phong và xã Phi Hải. Tuyến cấp điện cho trạm Quảng Uyên 3 (35/0,4 KV) với tổng công suất là 400 kVA.

+ Tuyến 3 cung cấp điện cho các phụ tải tại khu phía Đông thị trấn. Tuyến cấp điện cho 3 trạm Quảng Uyên 6,9 và trạm bệnh viện với tổng công suất 1200 kVA.

+ Tuyến 4 cung cấp điện cho các phụ tải tại khu phía Nam thị trấn. Tuyến cấp điện cho trạm Quảng Uyên 10,11,12 với tổng công suất 1200 kVA

#### **\* Lưới hạ áp 0,4kV:**

Xây dựng lưới điện hạ áp, kết cấu cáp đi chìm trong ống nhựa kỹ thuật

chuyên dùng, dưới hào kỹ thuật đặt trên vỉa hè. Đường trục chính dùng cáp XLPE 4x 95 mm<sup>2</sup> trở lên. Đường nhánh XLPE 4x70 mm<sup>2</sup> trở xuống.

**\*Lưới chiếu sáng:**

Hình thức chiếu sáng dùng đèn thủy ngân cao áp 125W- 250W. Để tiết kiệm điện có thể dùng đèn Led. Các tuyến đường bố trí chiếu sáng đi nổi dùng cáp XLPE(4x25) và các tuyến đường được chiếu sáng đảm bảo độ chói 0,4cd/m. Các khu công viên, bồn hoa của thị trấn chiếu sáng bằng đèn nầm và đèn chùm.

**\* Trạm lưới 35/0,4 kV:**

Để đảm bảo cung cấp điện cho thị trấn tiến hành cải tạo và nâng công suất toàn bộ các trạm 35/0,4KV hiện có và xây dựng mới thêm 4 trạm, với tổng công suất 4800 kVA, cụ thể như sau:

- 07 trạm biến áp 35/0,4 kV nâng cấp:

- + Trạm Quảng Uyên 1 công suất 400(400) kVA
- + Trạm Quảng Uyên 2 công suất 180(400) kVA
- + Trạm Quảng Uyên 3 công suất 100(400) kVA
- + Trạm Quảng Uyên 4 công suất 180(400) kVA
- + Trạm Quảng Uyên 5 công suất 100(400) kVA
- + Trạm Quảng Uyên 6 công suất 100(400) kVA
- + Trạm Quảng Uyên 7 công suất 100(400) kVA

- 05 trạm biến áp 35/0,4 KV xây dựng mới:

- + Trạm Quảng Uyên 8 công suất 400 kVA
- + Trạm Quảng Uyên 9 công suất 400 kVA
- + Trạm Quảng Uyên 10 công suất 400 kVA
- + Trạm Quảng Uyên 11 công suất 400 kVA
- + Trạm Quảng Uyên 12 công suất 400 kVA

**9.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước sinh hoạt dự kiến là hệ thống thoát nước hỗn hợp riêng và nửa riêng, có xử lý nước thải sơ bộ tại nguồn phát sinh. Nước thải từ các hộ dân phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thoát nước thải ra hệ thống thoát nước sinh hoạt.

+ Hướng thoát nước: Thiết kế lưu vực về suối phía Bắc và một phần thoát nước mặt về hang catster tại xóm Tục Ngôn, phù hợp với quy hoạch san nền và địa hình của thị trấn.

+ Khu xử lý nước thải: Quy hoạch tại thôn Đà Vĩ Dưới, giáp Keng Mò đảm bảo vệ sinh môi trường với công suất 1100 m<sup>3</sup>/ngđ. Nước thải sau khi xử lý



đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thoát ra hệ thống thoát nước.

- Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

Khuyến khích và hướng dẫn người dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Chất thải rắn được tập trung, thu gom đưa về khu xử lý tại bãi rác của đô thị, thuộc địa bàn xã Độc Lập, cách trung tâm đô thị khoảng 6km. Hình thức xử lý là chôn lấp hợp vệ sinh.

- Quy hoạch nghĩa trang:

Quy hoạch phía Đông Bắc đô thị, ngoài phạm vi nghiên cứu quy hoạch, thuộc xã Quốc Phong.

**9.6. Đánh giá tác động môi trường:** Như nội dung đề án quy hoạch đã lập.

## **10. Tổng dự toán quy hoạch:**

*a. Chi phí lập đề án quy hoạch:*

<b>Tổng số:</b>	<b>600,0 triệu đồng</b>
Trong đó:	
- Chi phí lập nhiệm vụ QH:	31,0 triệu đồng
- Chi phí lập đề án QH:	497,0 triệu đồng
- Chi phí thẩm định đề án QH:	26,0 triệu đồng
- Chi phí quản lý lập đề án QH:	23,0 triệu đồng
- Chi phí tổ chức công bố QH:	22,0 triệu đồng

*b. Giá trị khảo sát địa hình:*

- Lập lại dự toán khảo sát địa hình với khối lượng khảo sát xác định theo Quyết định số 04/2005/QĐ-BXD ngày 10 tháng 1 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành TCXDVN 309 : 2004 “Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung”, cụ thể như sau: Mật độ điểm khống chế gồm các điểm tam giác hạng IV, đường chuyền cấp 1, cấp 2 để đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000 ÷ 1/2000 ít nhất là 4 điểm/km<sup>2</sup>, trung bình từ 8 điểm ÷ 12 điểm/1 km<sup>2</sup>. Yêu cầu đo vẽ đúng tỉ lệ quy hoạch là 1/2.000 và tận dụng hồ sơ khảo sát đã có (trường hợp không tận dụng phải có báo cáo nguyên nhân cụ thể),...

- Giá trị dự toán chi phí lập quy hoạch, chi phí khảo sát địa hình là cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo. Khi thanh quyết toán chủ đầu tư phải căn cứ theo khối lượng thực hiện thực tế, cấp địa hình để nghiệm thu thanh toán; ngoài ra, đối với hồ sơ khảo sát địa hình còn phải thực hiện theo đúng Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng.

*c. Tổng dự toán quy hoạch:*

Chủ đầu tư, cơ quan thẩm định, nhà thầu tư vấn quy hoạch có trách nhiệm thực hiện việc lập, thẩm định tổng dự toán quy hoạch theo đúng quy định tại Điều 27 Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (ban hành kèm theo Quyết định số 2288/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Ủy ban nhân dân huyện Quảng Uyên có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn chỉnh tổng dự toán quy hoạch, trình thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định; tổ chức thực hiện công bố, công khai đồ án quy hoạch nêu trên; lập dự án và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa theo đúng quy định hiện hành; thường xuyên tổ chức kiểm tra và có biện pháp hữu hiệu, xử lý cương quyết các vi phạm về quy hoạch, đất đai; thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư thành phần theo đúng quy hoạch được phê duyệt;

Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch nêu trên theo đúng quy định hiện hành;

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan bố trí vốn thực hiện công bố, công khai đồ án quy hoạch nêu trên và cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quảng Uyên, thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đàm Văn Eng**